

**CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ SẢN XUẤT HỒNG LAN**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ SẢN XUẤT HỒNG LAN

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HONG LAN TRADING AND PRODUCTION COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0110908450

**3. Ngày thành lập:** 05/12/2024

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số nhà 16 Xóm Xi, Đội 6, Thôn 2, Xã Quảng Bị, Huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0979495113

Fax:

Email: [Phuonglan44h2@gmail.com](mailto:Phuonglan44h2@gmail.com)

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                               | Mã ngành |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết:<br>- Đại lý bán hàng hóa<br>- Môi giới mua bán hàng hóa<br>(Loại trừ hoạt động đấu giá, môi giới chứng khoán, bảo hiểm) | 4610     |
| 2.  | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống<br>Chi tiết: (Loại trừ bán buôn các loại động vật nhà nước cấm kinh doanh)                       | 4620     |
| 3.  | Bán buôn thực phẩm<br>(Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát Karaoke, vũ trường)                                                                                 | 4632     |
| 4.  | Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng<br>(Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát Karaoke, vũ trường)                           | 5621     |
| 5.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất khẩu, nhập khẩu các hàng hóa công ty kinh doanh                               | 8299     |
| 6.  | Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản                                                                                                                 | 1020     |
| 7.  | Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt                                                                                                                         | 1010     |
| 8.  | Chế biến và bảo quản rau quả                                                                                                                                            | 1030     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |             |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 9.  | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc Lào lưu động hoặc tại chợ<br>Chi tiết:<br>- Bán lẻ thịt gia súc, gia cầm tươi sống, đông lạnh lưu động hoặc tại chợ<br>- Bán lẻ thủy sản tươi sống, đông lạnh lưu động hoặc tại chợ                                                                                                                                                                                                             | 4781        |
| 10. | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa<br>Chi tiết: Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho đông lạnh (trừ kho ngoại quan)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 5210        |
| 11. | Bán buôn gạo, lúa mì, hạt ngũ cốc khác, bột mì                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4631        |
| 12. | Bán buôn đồ uống                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4633        |
| 13. | Bán buôn tổng hợp<br>(Trừ hoạt động đầu giá hàng hóa)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4690        |
| 14. | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc Lào chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp (Trừ bán lẻ thuốc lá, thuốc Lào)                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4711        |
| 15. | Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp (Trừ loại Nhà nước cấm)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4719        |
| 16. | Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4721        |
| 17. | Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết:<br>- Bán lẻ thịt và các sản phẩm thịt trong các cửa hàng chuyên doanh<br>- Bán lẻ thủy sản trong các cửa hàng chuyên doanh<br>- Bán lẻ rau, quả trong các cửa hàng chuyên doanh<br>- Bán lẻ đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh, mứt, kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột trong các cửa hàng chuyên doanh<br>- Bán lẻ thực phẩm khác trong các cửa hàng chuyên doanh | 4722        |
| 18. | Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (Loại trừ hoạt động đầu giá)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4791        |
| 19. | Dịch vụ đóng gói                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 8292        |
| 20. | Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn<br>Chi tiết:<br>- Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn từ thịt.<br>- Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn từ thủy sản.<br>- Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn khác.                                                                                                                                                                                                                                        | 1075(Chính) |

**6. Vốn điều lệ:** 200.000.000 VNĐ

## 7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên: TẠ THỊ PHƯƠNG LAN

Giới tính: Nữ

Sinh ngày: 19/05/1990 Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001190017984

Ngày cấp: 25/04/2021

Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Số nhà 16 Xóm Xi, Đội 6, Thôn 2, Xã Quảng Bị, Huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số nhà 16 Xóm Xi, Đội 6, Thôn 2, Xã Quảng Bị, Huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

## 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: TẠ THỊ PHƯƠNG LAN

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 19/05/1990

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001190017984

Ngày cấp: 25/04/2021

Nơi cấp: Cục cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Số nhà 16 Xóm Xi, Đội 6, Thôn 2, Xã Quảng Bị, Huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số nhà 16 Xóm Xi, Đội 6, Thôn 2, Xã Quảng Bị, Huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội